

**CẤU TRÚC VÀ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ  
HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2022 – 2023  
MÔN: <CÔNG NGHỆ> – LỚP < 8 >**

**I. CẤU TRÚC:**

- **Hình thức kiểm tra đánh giá:** trắc nghiệm kết hợp với tự luận

- **Thời gian làm bài:** 45 phút

- **Thang điểm:** 10 điểm

**1/ Trắc nghiệm: ( 7,0 điểm) gồm 14 câu mỗi câu 0,5 đ**

- Hình chiếu: 3 câu
- Bản vẽ kỹ thuật: 5 câu
- Bản vẽ chi tiết: 2 câu.
- Biểu diễn ren: 2 câu
- Bản vẽ nhà: 2 câu

**2/ Tự luận: (3,0 điểm) gồm 2 câu.**

Câu 1 ( 2,0 điểm ): Vẽ hình chiếu vật thể

Câu 2 (1,0 điểm ): Nhận diện khối tròn xoay

**II. MA TRẬN: ( Theo bộ môn)**

Tên chủ đề	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tổng	
	TN	T L	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
Chủ đề 1: Hình chiếu	Mp chiếu và hướng chiếu					Vẽ hình chiếu vật thể				
	SC: 3 SĐ: 1,5					SC:1 SĐ:2,0			SC:3 SĐ:1,5	SC:1 SĐ:2,0
Chủ đề 2: Bản vẽ kỹ thuật	Khái niệm, vật viêu		Vai trò, cách nhận diện							
	SC:3 SĐ: 1,5		SC:2 SĐ:1,0						SC:5 SĐ:2,5	
Chủ đề 3: Bản vẽ chi tiết	Công dụng									
	SC:2 SĐ: 1,0								SC:1 SĐ:0,5	
Chủ đề 4: Biểu diễn ren			Quy ước							
			SC:2 SĐ: 1,0						SC:1 SĐ:0,5	
Chủ đề 5: Bản vẽ nhà			Cách nhận diện							
			SC:2 SĐ:1,0						SC:1 SĐ:0,5	
Chủ đề 6: Khối tròn xoay								Nhận diện hình chiếu tròn xoay		
								SC:1 SĐ: 1,0		SC:1 SĐ:1,0
<b>Tổng 6</b>	<b>SC:8 SĐ:4,0 TL:40%</b>		<b>SC: 6 SĐ:3,0 TL:30%</b>			<b>SC:1 SĐ:1,5 TL:15%</b>		<b>SC:1 SĐ:1,0 TL:10%</b>	<b>SC:14 SĐ:7,0 TL:70%</b>	<b>SC:2 SĐ:3,0 TL:30%</b>

TRƯỜNG TH&THCS NGUYỄN VĂN HIỂN Họ và tên HS:..... Lớp:.....SBD:.....		<b>KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ</b> <b>HỌC KÌ I- NĂM HỌC 2022 - 2023</b> TUẦN KT: 8 NGÀY KT..... MÔN: CÔNG NGHỆ – LỚP 8 THỜI GIAN: 45 phút (không tính thời gian phát đề)
<b>ĐIỂM</b> (Viết bằng số và bằng chữ)	<b>Số tờ</b>	<b>Nhận xét của giáo viên</b>

**ĐỀ:**

**I. TRẮC NGHIỆM: (7,0 điểm) Hãy chọn nội dung đúng nhất ghi vào khung bài làm.**

**Câu 1.** Hình chiếu của vật thể là

- A. phần thấy của vật đối với người quan sát.      B. phần phía sau vật thể.  
 C. phần thấy của vật đối với mặt phẳng hình chiếu      D. phần thấy của vật đối với mặt phẳng bản vẽ.

**Câu 2.** Vai trò của bản vẽ kỹ thuật trong đời sống là gì?

- A. Góp phần vào nền khoa học công nghệ hiện đại ngày nay.      B. Giúp con người sử dụng có hiệu quả và an toàn các thiết bị máy móc.  
 C. Không có vai trò gì đặc biệt.      D. Chỉ giúp việc thi công dễ dàng hơn.

**Câu 3.** Hình chiếu bằng có hướng chiếu từ đâu tới?

- A. Trước tới.      B. Trái sang.  
 C. Trên xuống.      D. Phải sang.

**Câu 4.** Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về bản vẽ kỹ thuật?

- A. Là các thông tin kỹ thuật trình bày dưới dạng hình vẽ theo quy tắc thống nhất.  
 B. Là các thông tin kỹ thuật trình bày dưới dạng các kỹ hiệu theo quy tắc thống nhất.  
 C. Thường vẽ theo tỉ lệ theo hình ảnh.  
 D. Là bản vẽ trình bày các thông tin kỹ thuật của sản phẩm dưới dạng các hình vẽ và các ký hiệu theo quy tắc thống nhất và thường vẽ theo tỉ lệ.

**Câu 5.** Công dụng của bản vẽ chi tiết là

- A. chế tạo và lắp ráp.      B. chế tạo và kiểm tra.  
 C. thiết kế và sửa chữa.      D. thiết kế, thi công và sử dụng.

**Câu 6.** Hãy cho biết đường giới hạn ren được vẽ bằng nét gì?

- A. Nét liền đậm.      B. Nét liền mảnh.  
 C. Nét đứt.      D. Nét mảnh.

**Câu 7.** Khi vẽ hình chiếu cần

- A. tô đậm.      B. vẽ mờ.  
 C. vẽ gạch mờ.      D. vẽ mờ và tô đậm.

**Câu 8.** Để vẽ bản vẽ trong chương trình Công nghệ 8 ta dùng loại khổ giấy nào?

- A. A0  
B. A1  
C. A4  
D. A2

**Câu 9.** Mặt cắt biểu diễn các bộ phận và kích thước của ngôi nhà theo

- A. chiều rộng.  
B. chiều cao.  
C. chiều ngang.  
D. chiều dài.

**Câu 10.** Trình tự đọc bản vẽ chi tiết là

- A. Khung tên, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật, tổng hợp.  
B. Khung tên, kích thước, hình biểu diễn, yêu cầu kỹ thuật, tổng hợp.  
C. Hình biểu diễn, khung tên, kích thước, yêu cầu kỹ thuật, tổng hợp.  
D. Hình biểu diễn, kích thước, khung tên, yêu cầu kỹ thuật, tổng hợp.

**Câu 11.** Mặt cắt là hình cắt có mặt phẳng cắt song song với

- A. mặt phẳng chiếu cạnh, mặt phẳng chiếu B. mặt phẳng chiếu đứng hoặc mặt phẳng  
bằng. chiếu cạnh.  
C. mặt phẳng chiếu bằng. D. mặt phẳng cắt A-A.

**Câu 12.** Bản vẽ kỹ thuật được dùng trong quá trình

- A. thiết kế, thi công, lắp ráp. B. thiết kế, vận hành, thi công.  
C. sửa chữa, vận hành, lắp ráp. D. chế tạo, lắp ráp, thi công.

**Câu 13.** Ren ngoài là ren

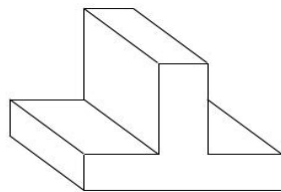
- A. được hình thành ở mặt trong lỗ. B. được hình thành ở mặt ngoài chi tiết.  
C. được hình thành trên vật thể. D. được hình thành khi bị khuấy.

**Câu 14.** Trên bản vẽ kỹ thuật thường dùng hình cắt để

- A. tăng tính thẩm mỹ. B. biểu diễn hình dạng bên trong của vật thể.  
C. sử dụng thuận tiện bản vẽ. D. biểu diễn hình dạng bên ngoài của vật thể.

## II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

**Câu 15( 2,0 điểm ):** Vẽ hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh và hình chiếu bằng của vật thể đã cho.



**Câu 16( 1,0 điểm ):** Em có nhận xét gì về hình chiếu của khối tròn xoay trên các mặt phẳng chiếu?

--Hết--



**I. Trắc nghiệm. 7,0 điểm** Mỗi câu đúng đạt 0,5 điểm.

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	A	B	C	D	B	A	D	C	B	A	B	D	B	B

**II. Tự luận. 3,0 điểm**

Câu	Nội dung	Điểm
15	<ul style="list-style-type: none"><li>- Vẽ trục.</li><li>- Khoảng cách đúng, cân đối</li><li>- Đúng kích thước.</li><li>- Đúng hình chiếu ở mỗi mp chiếu</li><li>- Có chiếu hình ở mỗi mp</li><li>- Tô đậm hình chiếu</li></ul>	<b>2,0 điểm</b> 0,25 đ 0,25 đ 0,5 đ 0,5 đ 0,25 đ 0,25 đ
16	<ul style="list-style-type: none"><li>- Hình chiếu ở mp đứng và mp cạnh có hình giống nhau, thể hiện 2 kích thước chiều cao và đường kính đáy</li><li>- Hình chiếu ở mp bằng luôn luôn là hình tròn, thể hiện kích thước đường kính đáy</li></ul>	<b>1,0 điểm</b> 0,5 đ 0,5 đ

